

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HSPT

Ngày: 03/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Xuân Tiến**

Ông **Bùi Tố Dương**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông **Nguyễn Công Huy**, Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Tâm**, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Đinh Thị T cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của người bị hại Trần Thị G kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị: Trả hồ sơ để điều tra, truy tố các bị cáo thêm tội “cố ý gây thương tích”; tăng hình phạt đối với các bị cáo; tăng mức bồi thường dân sự và kháng nghị của VKSND tỉnh Quảng Ninh về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo Đinh Thị Hồng T, Trương Thị T, Phạm Thị O, Dương Đức X, Đào Văn D, Phạm Văn H, Phạm Thị A. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2019/QĐXXPT – HS ngày 10/5/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo:

Đinh Thị T - Tên gọi khác: (Không); Sinh ngày 13/11/1999, tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Tổ 8, khu 5, phường Đ, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Quang T; Con bà: Phạm Thị O; Chồng là Dương Đức X, sinh năm 1993, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Vũ Đình S - Tên gọi khác: (Không); Sinh ngày 04/11/1999, tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKKHKT: khu 4, phường H, thị xã Y, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Đình G; Con bà: Đặng Thị C; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Đinh Thị Hồng T - Tên gọi khác: (Không); Sinh ngày 28/6/1994, tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Tổ 5, khu 7, phường C, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Quang T; Con bà: Phạm Thị O; Chồng là Phạm Quang V, sinh năm 1990, có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Phạm Thị O - Tên gọi khác: (Không); Sinh ngày 01/01/1974, tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xóm H, thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Tổ 11, khu 3, phường Đáy, thành phố , tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T; Con bà: Đỗ Thị T; Chồng là Đinh Quang T, sinh năm 1967, có 05, con cả sinh năm 1994, con út sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Trương Thị T - Tên gọi khác: (Không); Sinh ngày 20/8/1958, tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKHKTT: Tổ 5, khu 7, phường C, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn S (đã chết); Con bà: Phạm Thị G (đã chết); Chồng là Phạm Văn H, có 01 con sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Phạm Văn H - Tên gọi khác: (Phạm Văn Q); Sinh ngày 23/9/1956, tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKHKTT: Tổ 5, khu 7, phường C, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn S (đã chết); Con bà: Phạm Thị T (đã chết); Vợ là Trương Thị T, có 01 con sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Dương Đức X - Tên gọi khác: (Không); Sinh ngày 31/8/1993, tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKHKTT: Tổ 8, khu 5, phường Đ, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn L; Con bà: Nguyễn Thị B; Vợ là Đinh Thị Thu T, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Đào Văn D - Tên gọi khác: (Không); Sinh ngày 10/11/1987, tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKHKTT: Tổ 10B, khu 4A, phường T, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đào Mạnh C; Con bà: Lê Thị H; Vợ là Đinh Thị Hoài T, có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Phạm Thị A - Tên gọi khác: (Không); Sinh ngày 01/01/1976, tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã Y Thắng, huyện Y, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Tổ 15, khu 3A, phường Đ, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T; Con bà: Đỗ Thị T; Chồng là Tống Hữu H, sinh năm 1973, có 03, con cả sinh năm 1998, con út sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: **Trần Thị G**, sinh năm 1993, địa chỉ: Xóm 4, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà **Nguyễn Thị Thúy N**
- Luật sư Công ty luật TNHH P - Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Người làm chứng: **NLC1**, sinh năm 2000, địa chỉ: tổ 15, khu 3A, phường Đ, TP. L (vắng mặt); **NLC2**, sinh 1967, địa chỉ: Tổ 11, khu 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt);, **NLC3** sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ 5, khu 7, phường C, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh (có mặt); **NLC4**, sinh năm 1995, địa chỉ: Tổ 5, khu 9A, phường C, thành phố L, Quảng Ninh (vắng mặt); **NLC5**, sinh năm 1995, địa chỉ: 313, tổ 8, khu 1B, phường T, TP.L, Quảng Ninh (vắng mặt); **NLC6**, sinh năm 1958, địa chỉ: tổ 9, khu 1B, phường T, TP.L, Quảng Ninh (vắng mặt); **NLC7**, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 9, khu 1B, phường T, TP.L, Quảng Ninh (vắng mặt). **NLC8**, sinh năm 1937, địa chỉ: Tổ 8 khu 1B, phường T, TP.L, Quảng Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ chị Trần Thị G có quan hệ tình cảm với chồng mình là anh Phạm Quang V nên chiều ngày 04/7/2018, Đinh Thị Hồng T có rủ một số người trong gia đình gồm: Đinh Quang T, Phạm Thị O (bố mẹ đẻ của T); Phạm Văn H, Trương Thị T (bố mẹ đẻ anh V); Dương Đức X, Đào Văn D (là em rể T); Phạm Thị A (dì ruột của T); Tống Khánh L (em họ của T) đến phòng trọ của chị G đang thuê tại số nhà 313, ngõ 4, Tổ 8, Khu 1, phường T, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh để gặp và nói chuyện với anh V đồng thời muốn khuyên anh V về với vợ con. T còn gọi điện thoại cho Đinh Thị T (em ruột T) lúc này đang đi chơi cùng với Vũ Đình S và nhóm bạn ở phường H để rủ T đến phòng trọ của G thì được T đồng ý và T có rủ Vũ Đình S đi theo.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến số nhà 313, ngõ 4, Tổ 8, Khu 1, phường T, thành phố L, T phát hiện thấy xe mô tô của anh V để ở trước sân phòng trọ của G, biết là anh V đang ở trong phòng trọ, T cùng người nhà đi vào trong sân phòng trọ của chị G. Lúc này, T lấy máy điện thoại của mình là điện thoại Iphone 7 Plus bật sẵn chế độ ghi hình và nói với S là “quay hộ chị”, S đồng ý và cầm lấy máy điện thoại và ghi hình lại toàn bộ sự việc. Còn T sau khi biết anh V ở trong phòng, T gõ cửa phòng được một lúc thì anh V ra mở cửa, T cùng người nhà xông vào trong phòng. D, X, H xông vào ghì giữ V xuống giường, chị G đang ở trong phòng vệ sinh chốt cửa không mở, bị T lấy chai thủy tinh đựng nước mắm để ở bếp trong phòng đập vỡ cửa kính phòng vệ sinh, chị G sợ nên tự mở cửa đi ra. T dùng tay tát nhiều cái vào mặt chị G rồi cùng bà T, T, A vừa chửi bới vừa túm tóc lôi chị G ra ngoài sân. Tại sân phòng trọ, T, T, T, O liên tiếp túm tóc, tát, đập chị G, còn A chửi bới chị G. T lột váy và quần lót của chị G đang mặc trên người. Chị G kêu cứu và đứng dậy đi vào trong phòng trọ thì bị D, X đứng ngay ở cửa phòng chặn lại không cho vào. Sau đó, T, T, H kéo chị G khi từ sân phòng trọ ra ngoài cổng nhà trọ. Trong lúc kéo chị G ra ngoài sân, bà T cầm được một chiếc gậy gỗ có chiều dài 69cm đường kính 2,5cm lấy được ở sân vụt vào chân chị G; X lấy một chiếc gậy sắt ở trong phòng chị G có chiều dài 114cm, đường kính 2,5cm cầm trên tay để đe dọa chị G. Ở ngoài cổng, T, T, T, Oanh,

A tiếp tục mắng chửi, túm tóc tát vào mặt chị G. Lúc này, chị G đứng lên có ý định vào trong sân thì bị H, X đứng đóng cổng lại không cho chị G vào. Sau đó, do được mọi người can ngăn nên T cùng người nhà đi về. Còn S tại sân phòng trọ sau khi ghi hình xong sự việc, S lưu lại toàn bộ đoạn video đã ghi từ khi bắt đầu đến kết thúc và đưa lại điện thoại cho T rồi cùng mọi người đi về. Khi về, S đi cùng với T, S nói với T: “đừng đăng lên không rách việc”, T trả lời “ừ”. Tối cùng ngày, khi đến về nhà, T đã đăng đoạn video mà S quay được lên mạng xã hội qua Facebook của T có nick name “Minh T”.

Sau khi sự việc xảy ra, chị G đã đến bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh điều trị vết thương. Tối ngày 04/7/2018, chị G đến Công an phường T, thành phố L trình báo toàn bộ sự việc.

Tại bản kết luận giám định thương tích số 349/18/Tgt ngày 18/7/2018, của Trung Tâm pháp y, sở Y tế tỉnh Quảng Ninh xác định: chấn thương vùng trán, chàm và cổ 3%; xước thượng bì da mặt ngoài cổ tay trái kèm bầm tím và xây sát da nhiều nơi vùng hông đùi, tay chân hai bên: 0%. Xước thượng bì da mặt ngoài cổ tay trái do vật có cạnh sắc, các tổn thương còn lại do vật tày gây ra. Các tổn thương nêu trên làm chị G bị tổn hại 3% sức khỏe.

Quá trình điều tra, Đinh Thị Hồng T, Đinh Thị T, Trương Thị T, Phạm Thị O, Dương Đức X, Đào Văn D, Phạm Văn H, Phạm Thị A, Vũ Đình S khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, S còn khai khi ghi hình lại toàn bộ sự việc gia đình T làm nhục chị G, S biết video này được quay với mục đích sẽ được đăng lên mạng xã hội. Sau khi đưa điện thoại cho T, trên đường về do sợ nên S đã bảo T đừng đăng đoạn video lên mạng xã hội nhưng sau đó S cũng không có hành động nào ngăn cản việc làm của T đăng video đó lên Facebook. Ngoài ra, những người tham gia tố tụng khác trong vụ án cũng có lời khai thể hiện phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Quảng Ninh, đã quyết định: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Điểm d khoản 1 Điều 125; Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt: Đinh Thị Thu T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Vũ Đình S 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “làm nhục người khác”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 155; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 BLHS đối với các bị cáo T, O, A, X; điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS với bị cáo H), Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự. Điểm d khoản 1 Điều 125; Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt: Đinh Thị Hồng T 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng), 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đối với các bị cáo Trương Thị T, Phạm Thị O, Dương Đức X, Đào Văn D, Phạm Văn H (Phạm Văn Q), Phạm Thị A về tội “làm nhục người khác”. Bản án sơ thẩm còn quyết định hủy bỏ các quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của các bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/01/2019, người bị hại Trần Thị G đã kháng cáo toàn bộ bản án số 50/2019/HSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Quảng Ninh

với lý do: Tòa án và các cơ quan tiến hành tố tụng khác chưa xem xét làm rõ hành vi “cố ý gây thương tích” có tổ chức của các bị cáo cũng như chưa làm rõ mục đích phạm tội của các bị cáo. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là quá nhẹ chưa đủ tính răn đe, giáo dục, chưa tương xứng với hành vi của các bị cáo. Yêu cầu: Trả hồ sơ để điều tra, truy tố các bị cáo thêm tội “cố ý gây thương tích”; Tăng hình phạt đối với các bị cáo; Tăng mức bồi thường dân sự cho bị hại.

Ngày 20/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh ra quyết định kháng nghị số: 21/QĐ/VKSQN, kháng nghị một phần bản án số 50/2019/HSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Quảng Ninh về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo Đinh Thị Hồng T, Trương Thị T, Phạm Thị O, Dương Đức X, Đào Văn D, Phạm Văn H, Phạm Thị A với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo nói trên phải chịu 136.260 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với quy định của pháp luật về án, lệ phí Tòa án áp dụng đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch từ 6.000.000 đồng trở xuống, mức thu án phí là 300.000 đồng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc các bị cáo T, Thân, Oanh, X, Dũng, H, A phải nộp mỗi bị cáo 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại Trần Thị G vẫn giữ nguyên quan điểm kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quan điểm: Đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung, truy tố các bị cáo Đinh Thị Hồng T, Đinh Thị T, Dương Đức X, Phạm Thị O, Đào Văn D, Phạm Thị A về tội “cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 1 Điều 134 BLHS. Không cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị HĐXX tăng hình phạt đối với các bị cáo mới đủ tính răn đe, đồng thời đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền 151.754.000 đồng cho chị Trần Thị G.

Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý với quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát và có lời xin lỗi người bị hại và mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ quan điểm kháng nghị. Đối với quan điểm kháng cáo của người bị hại và ý kiến của luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên các quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về kháng cáo của người bị hại Trần Thị G và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh là hợp lệ, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều khai nhận hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 155; điểm e khoản 2 Điều 155 Bộ luật hình sự, kết án các bị cáo

Đinh Thị Hồng T, Đinh Thị T, Trương Thị T, Phạm Thị O, Dương Đức X, Đào Văn D, Phạm Văn H, Phạm Thị A, Vũ Đình S về tội “*Làm nhục người khác*” là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại Trần Thị G và quan điểm của luật sư về việc Tòa án cấp sơ thẩm và các cơ quan tiến hành tố tụng khác chưa xem xét làm rõ hành vi “cố ý gây thương tích” có tổ chức của các bị cáo cũng như chưa làm rõ mục đích phạm tội của các bị cáo, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy: hành vi gây thương tích 3 % sức khỏe cho người bị hại G của các bị cáo T, T, O, T đã được cơ quan điều tra Công an thành phố L điều tra và kết luận thương tích trên của bị hại không do hung khí nguy hiểm (chiếc gậy sắt thu giữ) gây ra nên chưa cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Cơ quan điều tra đã đình chỉ điều tra và ra Quyết định xử phạt hành chính đối với các bị cáo T, T, O, T về hành vi xâm phạm sức khỏe của chị G. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo đều khai không có sự bàn bạc, phân công từ trước, không có sự cấu kết chặt chẽ khi thực hiện hành vi, các bị cáo thực hiện hành vi một cách bộc phát nên không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung về hành vi cố ý gây thương tích đối với các bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Về yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo, với lý do hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là quá nhẹ chưa đủ tính răn đe, giáo dục, chưa tương xứng với hành vi của các bị cáo, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy: Trong vụ án này, bị cáo Đinh Thị T là người có hành vi tham gia một cách tích cực trong việc đánh và làm nhục chị G. T giao nhiệm vụ cho Vũ Đình S cầm máy điện thoại của T để quay lại nội dung vụ việc và là người trực tiếp đăng video đó lên mạng xã hội thông qua địa chỉ Facebook của mình với mục đích phát tán rộng rãi sự việc làm nhục chị Trần Thị G. Nên hành vi của bị cáo T, S đã bị cấp sơ thẩm xét xử về tội: “*Làm nhục người khác*”. Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng Điểm e khoản 2 điều 155 tuyên phạt bị cáo Đinh Thị T 09 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Vũ Đình S 06 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp. Đối với bị cáo Đinh Thị Hồng T là người lôi kéo, rủ rê các bị cáo trong việc làm nhục chị G, nên cũng nhất thiết phải tăng mức hình phạt tiền đối với bị cáo từ 15.000.000 lên 25.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Đối với các bị cáo khác, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tuyên phạt là phù hợp.

Về yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự cho người bị hại, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét yêu cầu hợp pháp của người bị hại theo quy định của pháp luật, tuyên buộc tất cả bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thị G tổng số tiền: 38.335.427 đồng là cơ bản phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng không đưa thêm được căn cứ (các hóa đơn, chứng từ) để chứng minh cho yêu cầu của mình vì thế không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo Đinh Thị Hồng T, Trương Thị T, Phạm Thị O, Dương Đức X, Đào Văn D, Phạm Văn H, Phạm Thị A, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo nói trên phải chịu 136.260 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với quy định của pháp luật về án, lệ phí Tòa án. Vì căn cứ vào danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch từ 6.000.000 đồng trở xuống, mức thu án phí là 300.000 đồng. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh được chấp nhận.

[5] Về án phí: Người bị hại, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại về việc tăng hình phạt tiền đối với bị cáo Đinh Thị Hồng T.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo Đinh Thị Hồng T, Trương Thị T, Phạm Thị O, Dương Đức X, Đào Văn D, Phạm Văn H, Phạm Thị A.

Sửa bản án sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Quảng Ninh về phần quyết định hình phạt tiền đối với bị cáo Đinh Thị Hồng T.

Tuyên bố: các bị cáo Đinh Thị Hồng T, Đinh Thị T, Trương Thị T, Phạm Thị O, Dương Đức X, Đào Văn D, Phạm Văn H, Phạm Thị A, Vũ Đình S phạm tội “*Làm nhục người khác*”

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Điểm d khoản 1 Điều 125; Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Xử phạt: Đinh Thị Thu T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đinh Thị T cho Ủy ban nhân dân UBND phường Đ, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt: Vũ Đình S 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Đình S cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Y, Tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Đinh Thị T, Vũ Đình S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo T, S phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Áp dụng: khoản 1 Điều 155; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Thân, Oanh, Ánh, X; điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS với bị cáo Hậu), Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự. Điểm d khoản 1 Điều 125; Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt: Đinh Thị Hồng T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt các bị cáo Trương Thị T, Phạm Thị O, Dương Đức X, Đào Văn D, Phạm Văn H (Phạm Văn Quang), Phạm Thị Ánh mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Các bị cáo T, T, Oanh, X, D, H, A phải nộp mỗi bị cáo 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS, CA; TTG tỉnh Q.Ninh;
- CA, VKS, TA, THADS cấp sơ thẩm;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- THA;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Tuấn